

TỔNG QUAN NHỮNG VẤN ĐỀ SỨC KHOẺ TÂM LÝ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUA CÁC NGHIÊN CỨU GIAI ĐOẠN 2007 - 2017

PGS.TS. Trần Thị Lệ Thu

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Thị Phương

Hệ thống Giáo dục Vinschool.

Giang Thị Ngọc Hân

Quỹ Tài năng trẻ Tâm lý học - Giáo dục học.

TÓM TẮT

Bài viết tổng quan những nghiên cứu về khó khăn và rối nhiễu tâm lý của học sinh THCS - THPT qua các nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường từ năm 2007 đến năm 2017. Tổng luận những nhóm vấn đề và các rối nhiễu tâm lý học đường mà những nghiên cứu này đã phát hiện; phân tích cách tiếp cận của những nghiên cứu này; đồng thời tổng quan hai hướng nghiên cứu chính đó là: (1) hướng nghiên cứu dựa vào phiếu điều tra/khảo sát do nhà nghiên cứu tự xây dựng và (2) hướng nghiên cứu sử dụng các thang đo, bảng sàng lọc, bảng kiểm trong đánh giá tâm lý học đường và đánh giá lâm sàng. Điềm luận những nghiên cứu với nhóm mẫu lớn tại các địa bàn nghiên cứu khác nhau. Những nhận xét, bình luận và kết luận về thực trạng các nghiên cứu giai đoạn 2007 - 2017 cũng như hướng nghiên cứu tương lai về sức khỏe tâm lý học đường cũng được phân tích, đề xuất.

Từ khóa: *Sức khỏe tâm lý học đường; Học sinh; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Khó khăn tâm lý; Rối nhiễu tâm lý.*

Ngày nhận bài: 16/7/2018; Ngày duyệt đăng bài: 25/7/2018.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển của con người, giai đoạn lứa tuổi trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) là giai đoạn phát triển quan trọng, diễn ra sự biến đổi nhanh, mạnh, đột biến về đặc điểm thể chất, tâm lý và các

mối quan hệ xã hội. Giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em thành người lớn này đem đến cho các em những trải nghiệm mới mẻ, thú vị; đồng thời cũng khiến các em gặp phải không ít khó khăn. Có những em vượt qua giai đoạn này dễ dàng, thành công nhưng có những em phải đối diện với nhiều thách thức và khó khăn, thậm chí cả những rối nhiễu tâm lý từ nhẹ tới rất nặng.

Khi học sinh gặp khó khăn, rối nhiễu tâm lý thì sinh hoạt hàng ngày và học tập của các em sẽ bị tác động trực tiếp; thậm chí có những tác động tiêu cực kéo dài đối với đời sống tương lai của các em sau này. Chính vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện sớm, phòng ngừa và can thiệp sớm những khó khăn, rối nhiễu tâm lý đã được nhiều tác giả quan tâm. Tại Việt Nam, có rất nhiều công trình nghiên cứu về sức khỏe tâm lý của học sinh trong học đường đã được công bố trong 10 năm trở lại đây (2007 - 2017); các công trình đều chỉ rõ những khó khăn, rối nhiễu tâm lý học đường đa dạng của học sinh THCS - THPT với những cách khảo sát và công cụ sử dụng hết sức đa dạng.

Bài viết sẽ tổng hợp và phân tích xu hướng, cách tiếp cận nghiên cứu sức khỏe tâm lý của học sinh THCS - THPT, thực trạng khó khăn và rối nhiễu tâm lý của học sinh THCS - THPT, đồng thời có những nhận xét và đề xuất đối với việc nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường và can thiệp sức khỏe tâm lý học đường cho học sinh THCS - THPT.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng quan những công trình nghiên cứu về sức khỏe tâm lý (hay còn gọi là sức khỏe tâm thần) của học sinh THCS - THPT đã được công bố trong các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp bộ, cấp nhà nước), các công trình nghiên cứu độc lập đã công bố trong các tạp chí chuyên ngành và các hội thảo quốc gia, quốc tế về Tâm lý học và Giáo dục học; đặc biệt là các công trình và báo cáo khoa học trong 5 hội thảo quốc tế Tâm lý học đường tại Việt Nam của Liên hiệp Phát triển Tâm lý học đường Quốc tế CASP-I.

Các nghiên cứu được tổng luận và đề cập trong nghiên cứu này được chọn lọc, đảm bảo tính tin cậy, tính cập nhật, địa bàn thực hiện nghiên cứu đa dạng; nhóm mẫu đủ lớn, công cụ khảo sát/nghiên cứu phù hợp, nhóm thực hiện nghiên cứu đúng chuyên môn, có uy tín.

Định hướng tổng quan và phân tích trong nghiên cứu này được trình bày theo thứ tự thời gian và theo hệ thống công cụ sử dụng trong nghiên cứu; đồng thời cũng khái quát chung những nhóm chủ đề và vấn đề mà các nghiên cứu tập trung khảo sát, phân tích trong các công trình công bố từ năm 2007 đến năm 2017.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hướng nghiên cứu, các nhóm lĩnh vực và các vấn đề tâm lý học đường được đề cập trong những công trình đã công bố giai đoạn 2007 - 2017

Sức khỏe tâm lý học đường (hay còn gọi là sức khỏe tâm thần học đường) của học sinh chính là sự khỏe mạnh, cân bằng và ổn định của học sinh về các mặt học tập, nhận thức, cảm xúc, hành vi và xã hội. Sự khỏe mạnh tâm lý giúp học sinh có thể học tập, tương tác; sống hòa nhập và phát triển tốt nhất, tối đa nhất khả năng của mỗi em trong môi trường học đường cũng như ngoài xã hội. Đảm bảo sức khỏe tâm lý học đường cho các em chính là dự báo sớm, phát hiện sớm, phòng ngừa và can thiệp tâm lý học đường kịp thời cho học sinh. Giai đoạn dự báo và nhận diện sớm các vấn đề tâm lý học đường là hết sức quan trọng.

“Học sinh có vấn đề về sức khỏe tâm lý” (hay còn gọi là vấn đề sức khỏe tâm thần) chính là cụm thuật ngữ chỉ những học sinh có rối loạn tâm lý hay còn gọi là có rối nhiễu tâm lý hoặc rối nhiễu tâm thần hoặc bệnh tâm thần; ngụ ý các em có thể có biểu hiện rối nhiễu tâm lý (rối loạn tâm thần) từ nhẹ tới nặng (Đặng Hoàng Minh, Bahr Weiss, Nguyễn Cao Minh, 2013).

Các nghiên cứu trong giai đoạn từ 2007 - 2012 về thực trạng sức khỏe tâm lý học đường của học sinh THCS - THPT chủ yếu tập trung theo hai xu hướng: 1/ hướng nghiên cứu khó khăn tâm lý theo phiếu khảo sát tự xây dựng với cấu trúc nhiều nhóm lĩnh vực khó khăn tâm lý học đường; 2/ hướng nghiên cứu các nhóm vấn đề tâm lý và rối nhiễu tâm lý theo bảng sàng lọc, bảng kiểm, thang đo và trắc nghiệm đã được thiết kế ở những công trình đi trước.

Các nghiên cứu về sức khỏe tâm lý học đường ở học sinh THCS - THPT trong giai đoạn 2007 - 2017 đều chọn cách tiếp cận tích hợp, dựa trên cơ sở tâm lý học phát triển, tâm lý học trường học, tâm lý học giáo dục và tâm lý học lâm sàng. Công cụ đo lường đều được xây dựng và lựa chọn sử dụng trên cơ sở những lý thuyết và nghiên cứu thực chứng thuộc các phân ngành này của khoa học tâm lý học.

Bảng 1 tổng hợp danh sách các lĩnh vực và các vấn đề tâm lý học đường cụ thể mà các nghiên cứu trong giai đoạn này đề cập. Các phiếu khảo sát do nghiên cứu viên tự xây dựng thường tập trung khảo sát 9 lĩnh vực khó khăn phổ biến trong tâm lý học đường, ngoài ra một số phiếu khảo sát có đề cập tới các vấn đề cụ thể về hành vi, cảm xúc và xã hội (chơi game, hành vi gây hấn, lo âu, trầm cảm,...). Những nhóm vấn đề và rối nhiễu tâm lý khảo sát trong các thang đo, bảng kiểm và công cụ sàng lọc tập trung vào các vấn đề rối nhiễu tâm lý là chính; các công cụ này giúp sàng lọc và nhận diện nguy cơ, biểu hiện lâm sàng của những vấn đề tâm lý học đường ở mức cần can thiệp, hỗ trợ cá

nhân hoặc nhóm mang tính chuyên sâu và cấp thiết hơn những khó khăn tâm lý học đường thông thường.

Bảng 1: Các nhóm lĩnh vực, nhóm vấn đề và rối nhiễu tâm lý được quan tâm trong những nghiên cứu giai đoạn 2007 - 2017

TT	Các nhóm lĩnh vực khó khăn tâm lý học đường thuộc các phiếu khảo sát tự xây dựng	TT	Các nhóm vấn đề tâm lý, rối nhiễu tâm lý theo các bảng sàng lọc, thang đo và trắc nghiệm
1	Học tập - nhận thức	1	Xã hội tích cực
2	Phát triển tâm sinh lý	2	Các vấn đề về hành vi
3	Giao tiếp ứng xử	3	Tăng động
4	Quan hệ với bạn bè	4	Vấn đề tình cảm
5	Quan hệ với cha mẹ	5	Các vấn đề bạn bè
6	Quan hệ với thầy cô	6	Lo âu
7	Tình bạn, tình yêu học trò	7	Trầm cảm
8	Kiểm soát cảm xúc	8	Than phiền cơ thể
9	Hướng nghiệp	9	Vấn đề tư duy
10	Các vấn đề về hành vi	10	Sử dụng chất gây nghiện
11	Các vấn đề về cảm xúc	11	Bạo lực
12	Các vấn đề về xã hội	12	Hành vi hướng nội
<i>Các vấn đề hành vi, cảm xúc và xã hội thường được đề cập trong phiếu khảo sát: bỏ học, chơi game, gây hấn, tăng động giảm chú ý, lo âu, thu mình, căng thẳng, bạo lực, bắt nạt, sử dụng chất kích thích, có ý tưởng tự tử.</i>		13	Hành vi hướng ngoại
		14	Vấn đề xã hội
		15	Tăng động giảm chú ý
		16	Phá vỡ quy tắc
		17	Hung tính
		18	Phản nản về cơ thể

Công cụ tự xây dựng cũng giống với các thang đo, bảng sàng lọc là thiết kế cho cả học sinh, cha mẹ và giáo viên. Khác biệt là nội dung công cụ tự xây dựng chỉ phục vụ mục tiêu dự báo và sàng lọc những vấn đề tâm lý học đường mức nhẹ, nhận diện nguy cơ rối nhiễu tâm lý mức trung bình, nặng và rất nặng. Các phiếu khảo sát được quy đổi ra điểm trung bình, độ lệch chuẩn; các bảng

sàng lọc, thang đo và trắc nghiệm có hướng dẫn tính điểm, có điểm định chuẩn và có điểm phân chia mức khó khăn, rối nhiễu theo quy định chung.

Bảng 2: Các công cụ sử dụng để đánh giá, khảo sát sức khỏe tâm lý học đường của học sinh THCS - THPT giai đoạn 2007 - 2017

TT	Các phiếu khảo sát do tác giả tự xây dựng hoặc tham khảo từ nghiên cứu đã công bố	Các thang đo, bảng kiểm, bảng sàng lọc
1	Phiếu tự đánh giá của học sinh	Bảng kiểm kê hành vi trẻ em (6 - 18 tuổi)/CBCL
2	Phiếu đánh giá của giáo viên	Bảng hỏi điểm mạnh, điểm yếu (4 - 16 tuổi)/SDQ
3	Phiếu đánh giá của gia đình	Thang đo Suy giảm/BIS
4	Phiếu đánh giá của chuyên viên tâm lý học đường	Thang đo Trầm cảm/CES-D
5	Phiếu phỏng vấn học sinh	Thang Lo âu Jung
6	Phiếu phỏng vấn giáo viên	Thang đo Hành vi Conner/CBRS-SR
7	Phiếu phỏng vấn gia đình	Thang Sàng lọc rối loạn lo âu/GAD 7
8	Phiếu phỏng vấn chuyên viên tâm lý học đường	Trắc nghiệm đánh giá mức lo âu/STAI
9	Bảng hỏi hiểu biết của cha mẹ về con cái	Thang Đánh giá lo âu - trầm cảm và stress/DASS
10	Bảng phỏng vấn chuyên gia	Trắc nghiệm nghiện internet/IAT
11	Bảng phỏng vấn cán bộ nhân viên trường học	Thang đo Trầm cảm/Beck

Như vậy, trong giai đoạn 2007 - 2017, các nghiên cứu đều tiếp cận theo hướng tích hợp; đều nhằm vào 5 nhóm vấn đề tâm lý học đường cơ bản (nhận thức, học tập, cảm xúc, hành vi, xã hội); đều tập trung khảo sát để nhận diện các vấn đề sức khỏe tâm lý học đường từ nguy cơ đến nhẹ, trung bình, nặng và rất nặng; các công cụ khảo sát đo lường được các tác giả tự kiểm định độ tin cậy chứ chưa có công cụ nào được chuẩn hóa riêng cho người Việt Nam.

3.2. Thực trạng sức khỏe tâm lý của học sinh THCS - THPT qua các nghiên cứu giai đoạn 2007 - 2017

3.2.1. Sức khỏe tâm lý học sinh THCS - THPT qua các nghiên cứu sử dụng phiếu điều tra tự xây dựng

Các nghiên cứu sử dụng phiếu điều tra được thực hiện trên nhóm mẫu, địa bàn nghiên cứu và thời gian nghiên cứu rất đa dạng; xem xét tổng thể các nghiên cứu trên nhóm mẫu lớn tập trung vào các năm 2009, 2012, 2014, 2015, đặc biệt nhiều nghiên cứu tập trung vào năm 2014.

Bảng 3: Một số nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường sử dụng phiếu khảo sát

Số lượng khách thể (N)	Kết quả nghiên cứu	
7 nhóm vấn đề của học sinh THPT ở Hà Nội		Tỷ lệ %
615	Học tập, rèn luyện	23,4
	Lý tưởng, nghề nghiệp tương lai	19,0
	Phát triển bản thân	15,6
	Quan hệ với cha mẹ, anh chị em	13,2
	Quan hệ với bạn, với lớp	11,2
	Đánh giá của người khác	10,7
	Quan hệ với thầy cô giáo	6,8
<i>(Dương Diệu Hoa, Trần Văn Thức, 2009)</i>		
6 lĩnh vực học sinh THPT ở Huế thường gặp khó khăn		
622	(1) học tập; (2) quan hệ ứng xử với giáo viên; (3) quan hệ ứng xử với bạn bè; (4) quan hệ ứng xử với bạn khác giới; (5) quan hệ ứng xử với bố mẹ và người thân; (6) hướng nghiệp. <i>(Đinh Thị Hồng Vân và Nguyễn Phước Cát Tường, 2012)</i>	
Khó khăn tâm lý của học sinh THCS - THPT ở Đồng Nai		Mức độ (rất thường xuyên, thường xuyên và thỉnh thoảng) (%)
1.200	Học tập	63,1 - 83,4
	Định hướng nghề nghiệp	54,0 - 73,4
	Quan hệ với thầy cô giáo	34,5 - 70,7

	Quan hệ với bạn bè	20,8 - 69,7
	Quan hệ bố mẹ, gia đình	36,7 - 69,8
	Đời sống tâm lý nội tâm	15,2 - 75,0
<i>(Nguyễn Minh Thức, Lê Minh Công, 2014)</i>		
Vấn đề tâm lý học đường của học sinh THPT tại thành phố Hồ Chí Minh		Tỷ lệ %
1.399	Bạo hành ở trường học	13,9 - 42,8
	Phạm tội ở trường học	0,9 - 11,3
	Hành vi bỏ học hoặc bỏ tiết	32,5
	<i>(Đỗ Hạnh Nga, 2015)</i>	

Nghiên cứu tại trường THPT Đinh Tiên Hoàng năm 2007 cho thấy, những vấn đề tâm lý của học sinh trong trường theo tỷ lệ từ cao xuống thấp là: nghiện game; mất ngủ, lo âu, thu mình, ít giao tiếp; hiếu chiến, sẵn sàng gây sự với người khác; lạm dụng và sử dụng chất gây nghiện; lo lắng về giới tính; không kiểm soát được cảm xúc; có ý tưởng tự sát (Nguyễn Tùng Lâm, Nguyễn Ngọc Diệp, 2007). Kết quả nghiên cứu sử dụng bảng hỏi, phỏng vấn học sinh (95 em), cán bộ (95 người) tại ba trường giáo dưỡng ở Ninh Bình, Đà Nẵng và Long An cho thấy, vấn đề tâm lý các em gặp phải khi ở trường là: buồn bã, lo lắng, sợ hãi (Đỗ Ngọc Khanh, 2007). Nghiên cứu về Xây dựng mô hình phòng tham vấn học đường trong các trường THPT năm 2008 cho thấy, học sinh có nhu cầu tham vấn về “hướng nghiệp” cao nhất (34,9%), tiếp đó là “học tập” (33,5%) và “quan hệ với cha mẹ” (26,6%) (Nguyễn Thị Mùi, 2009).

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền khuyết danh trên 972 học sinh từ lớp 6 đến lớp 8 năm 2009 đã cho thấy, học sinh ở nội thành thành phố Hà Nội có sức khỏe tâm lý kém hơn so với học sinh ngoại thành (Nguyễn Thanh Hương, Trương Quang Tiến và cộng sự, 2009). Nghiên cứu trên 1.227 học sinh tại trường trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội phát hiện những vấn đề sức khỏe tâm lý học đường chủ yếu là (1) sức ép trong học tập và thi cử; (2) tình yêu, giới tính; (3) quan hệ với thầy cô, bạn bè (Phạm Mạnh Hà và Trần Anh Châu, 2009). Khảo sát trên 250 học sinh THCS và THPT thành phố Nam Định phát hiện những khó khăn tâm lý của các em thuộc các lĩnh vực: (1) trong học tập; (2) trong mối quan hệ (với bạn, với thầy cô giáo, với người thân); (3) trong hoạt động hướng nghiệp (Nguyễn Thị Minh Hằng và Nguyễn Thu Trang, 2009).

Báo cáo nghiên cứu 477 trẻ vị thành niên ở thành phố Huế cho thấy, tỷ lệ trẻ gặp khó khăn tâm lý là tương đối cao (92%). Khó khăn tâm lý của các em tập

trung chủ yếu ở các nhóm: khó khăn trong học tập (64,4%); khó khăn trong quan hệ với gia đình (14,5%); khó khăn trong quan hệ với bạn (9,0%); khó khăn trong quan hệ với giáo viên (2,1%) (Đinh Thị Hồng Vân và Trần Thị Tú Anh, 2011).

Nghiên cứu khó khăn tâm lý của 199 học sinh THPT hệ thống giáo dục Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội năm 2012 cho thấy, khó khăn tâm lý và mong muốn được trợ giúp theo thứ tự cao nhất và giảm dần ở các lĩnh vực: (1) hướng nghiệp, (2) học tập, (3) giao tiếp, ứng xử, (4) quan hệ với cha mẹ, người thân, (5) quan hệ bạn bè, (6) tình bạn khác giới, tình yêu học trò, (7) phát triển tâm sinh lý bản thân. Khảo sát khó khăn tâm lý của 150 học sinh khối 7 và khối 8 trường THCS - THPT Nguyễn Tất Thành Hà Nội, khó khăn tâm lý biểu hiện từ cao tới thấp theo thứ tự: (1) về học tập, (2) quan hệ với bạn bè, (3) tình bạn khác giới, tình yêu học trò, (4) phát triển tâm sinh lý bản thân (5) giao tiếp, ứng xử, (6) quan hệ với cha mẹ, người thân, (7) hướng nghiệp (Trần Thị Lệ Thu, 2012).

Nghiên cứu trên 147 học sinh trường THCS Lý Tự Trọng - thành phố Thanh Hóa, kết quả 100% học sinh cho rằng mình có biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập (28,6%), trong quan hệ bạn bè (25,9%), tự tu dưỡng bản thân (23,8%), quan hệ với cha mẹ và vấn đề sức khỏe, sinh lý (21,8%), tự đánh giá bản thân (21,1%); trong giao tiếp xã hội và quan hệ với thầy cô (12,3%) (Lê Thị Tâm, 2012).

Nghiên cứu về khó khăn tâm lý trên 130 học sinh THCS xã Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên cho thấy, tỷ lệ học sinh gặp phải vướng mắc tâm lý có sự khác biệt về khối lớp, tỷ lệ lần lượt là: khối 6 (89,7%); khối 7 (100%); khối 8 (100%); khối 9 (97,5%). Các khó khăn tâm lý các em gặp phải tập trung vào các lĩnh vực: (1) học tập; (2) định hướng nghề nghiệp; (3) giao tiếp ứng xử (Trần Thị Lệ Thu và Nguyễn Thị Hương, 2014). Khảo sát trên 965 học sinh THCS trên địa bàn Hà Nội cho thấy, học sinh THCS có nhiều khó khăn tâm lý, tập trung lần lượt vào các lĩnh vực: (1) giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo; (2) giao tiếp, ứng xử với cộng đồng; (3) học tập; (4) giao tiếp, ứng xử với các thành viên trong gia đình; (5) giao tiếp, ứng xử với bạn bè (Phạm Thanh Bình, 2014). Nghiên cứu trên 270 học sinh THPT ở thành phố Hồ Chí Minh, kết quả có 89,2% số học sinh cảm thấy căng thẳng vì thời gian dành cho việc học quá nhiều, trong đó mức độ rất căng thẳng chiếm đến 49,2% (Phạm Thị Tâm và Tạ Thị Thanh Thủy, 2014). Qua khảo sát 26 chuyên viên tâm lý, 23 cán bộ quản lý và 1.493 học sinh tại 16 trường THCS và THPT của thành phố Hồ Chí Minh, những nội dung khó khăn tâm lý học sinh ở các trường đề nghị hỗ trợ (xếp theo thứ tự ưu tiên) là: mối quan hệ bạn bè; học tập; giới tính; mối quan hệ gia đình, mối quan hệ thầy trò; hướng nghiệp (Nguyễn Thị Thúy Dung, 2014).

Báo cáo kết quả nghiên cứu của Vụ Công tác học sinh, sinh viên - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015) tiến hành trên một số trường THCS, THPT, đại học ở Hà Nội, Hải Dương cho thấy, 93,57% số học sinh, sinh viên được hỏi gặp phải những khó khăn, vướng mắc cần phải chia sẻ trong học tập và đời sống hàng ngày (trong đó, khối phổ thông là 95,33%). Đặc biệt ở lứa tuổi học sinh phổ thông, mức độ thường xuyên có những vướng mắc và cần chia sẻ là cao nhất với 80,17%. Nghiên cứu trên 70 giáo viên đến từ các trường phổ thông dân tộc nội trú đã đưa ra nhận định về khó khăn tâm lý mà học sinh ở các trường này gặp phải là các vấn đề liên quan đến: hoạt động học tập (80,1%), giao tiếp với thầy cô giáo, bạn bè và bố mẹ (59,7%), sinh hoạt nội trú (52,0%), tình bạn, tình yêu, giới tính (25,4%), nghề nghiệp, lựa chọn trường lớp (2,2%) (Hoàng Thị Quỳnh Lan, 2016).

Kết quả nghiên cứu sức khỏe tâm lý học sinh THCS - THPT qua phiếu điều tra cho thấy, các học sinh có khó khăn tâm lý ở hầu hết các lĩnh vực khảo sát, trong đó tập trung nhiều ở: học tập; giao tiếp ứng xử; quan hệ với cha mẹ, bạn bè và thầy cô giáo; tình bạn, tình yêu học trò; hướng nghiệp. Ngoài ra, một số vấn đề về hành vi, cảm xúc ở học sinh THCS - THPT cũng bộc lộ ở các nghiên cứu với tỷ lệ đáng quan tâm, đó là: mất ngủ, lo âu, thu mình, ít giao tiếp, căng thẳng, bỏ học, bạo lực, nghiện game; gây hấn; lạm dụng và sử dụng chất gây nghiện; có ý tưởng tự sát.

3.2.1. Sức khỏe tâm lý học sinh THCS - THPT qua các nghiên cứu sử dụng bảng sàng lọc, thang đo và trắc nghiệm

Công cụ các nghiên cứu được lựa chọn sử dụng chủ yếu là các thang đo, trắc nghiệm và bảng sàng lọc về hành vi, cảm xúc; trong đó công cụ sử dụng nhiều là CBCL. Ngoài ra, một số công cụ sàng lọc sử dụng trong lâm sàng đã được các nhà nghiên cứu sử dụng để đánh giá, sàng lọc các vấn đề sức khỏe tâm lý học đường của học sinh trong nghiên cứu của mình, ví dụ như SDQ, GAD-7, DASS, CES-D.

Năm 2009, nghiên cứu sử dụng thang đo Hành vi của trẻ em - Bảng dành cho trẻ từ 11 đến 18 tuổi của Achenbach (đã thích nghi ở Việt Nam) đánh giá thực trạng về sức khỏe tâm lý ở 1.727 học sinh THCS ở các quận nội thành và huyện Thường Tín (Hà Nội). Kết quả cho thấy, 29,7% có biểu hiện về cảm xúc (hướng nội) như lo âu - trầm cảm, rối loạn dạng cơ thể, thu mình - né tránh; 23,6% có biểu hiện triệu chứng hướng ngoại bao gồm hành vi hung bạo, công kích, sai phạm; 16% có vấn đề về chú ý và 31,2% có khó khăn về tư duy, xã hội và vấn đề khác (Đặng Hoàng Minh và Hoàng Cẩm Tú, 2009). Nghiên cứu của Sở Y tế Hà Nội, Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương và Trường Đại học Melbourne đã cho thấy, trong nhà trường luôn có một tỷ lệ học sinh

nhất định gặp phải các vấn đề về sức khỏe tâm thần; có 15,94% số học sinh gặp rối nhiễu tâm lý trong tổng số học sinh các cấp học. Trong số các ca tự sát, 10% là ở học sinh độ tuổi 10 - 17. Các vấn đề khác xuất hiện trong học sinh là lạm dụng chất gây nghiện, stress, lo âu, ám ảnh, trầm cảm (dẫn theo Nguyễn Hồi Loan, 2009). Cũng theo kết quả khảo sát trên 21.960 thanh thiếu niên tại Hà Nội thì phát hiện 3,7% số em có biểu hiện của rối loạn hành vi (Nguyễn Hồi Loan, 2009).

Nghiên cứu “Tìm hiểu rối nhiễu hành vi ở học sinh THCS bằng thang đo CONNERS CBRS-SR trên 196 khách thể cho thấy, có 10,2% có rối nhiễu ở mức thấp, 10,7% có những nguy cơ rối nhiễu cao và có 6,6% học sinh có những biểu hiện của rối nhiễu ở mức cao. Những loại hành vi rối nhiễu hành vi thường gặp ở học sinh THCS được đề cập đó là: gây hấn, nói dối và chống đối. Và một số hành vi ít gặp hơn đó là: phá hoại, giận dữ, gian lận và ăn cắp (Nguyễn Thị Mùi và Phạm Thị Khánh Ly, 2011). Nghiên cứu “Đánh giá mức độ các rối loạn tâm thần ở thanh thiếu niên Việt Nam” cũng nhằm đánh giá các yếu tố có liên quan đến các rối nhiễu này đã phỏng vấn 1.368 gia đình được các đơn vị nghiên cứu sức khỏe tâm thần ở địa bàn nghiên cứu tại Việt Nam lựa chọn. Các gia đình được yêu cầu trả lời bộ công cụ SDQ - bộ câu hỏi về điểm mạnh, điểm yếu của trẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 9,1% số thanh thiếu niên cho là có mắc phải các vấn đề về tâm thần (Amstadter, 2011).

Bảng 4: Một số nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường sử dụng các thang đo, bảng kiểm và trắc nghiệm

Khách thể (N)	Kết quả nghiên cứu về khó khăn tâm lý
1.103	<p>Sức khỏe tâm lý của học sinh THCS Hà Nội:</p> <p>25,76% học sinh có vấn đề của sức khỏe tâm lý:</p> <p>Mức ranh giới - 14,82%</p> <p>Mức lâm sàng - 10,94%</p> <p>Các vấn đề cảm xúc (29,7%)</p> <p>Các vấn đề về hành vi (23,6%)</p> <p style="text-align: right;"><i>(Cao Vũ Hùng, Quách Thủy Minh và cộng sự, 2007)</i></p>
	<p>Tỷ lệ trẻ em có vấn đề sức khỏe tâm thần (mức danh giới và trong mức bất thường) là 13,2%. Trong đó tỷ lệ các vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em theo cha mẹ báo cáo:</p>

	Theo thang đo SDQ		
	<i>Vấn đề</i>	<i>Ranh giới</i>	<i>Bất thường</i>
1.320	Xã hội tích cực	6,36%	3,94%
	Hành vi	5,45%	3,79%
	Tăng động	3,79%	2,95%
	Tình cảm	11,59%	16,29%
	Bạn bè	19,56%	20,70%
	Theo thang đo CBCL		
	<i>Vấn đề</i>	<i>Ranh giới</i>	<i>Lâm sàng</i>
	Lo âu/Trầm cảm	7,30%	1,80%
	Trầm cảm/Thu mình	5,90%	2,10%
	Than phiền cơ thể	9,60%	4,10%
	Vấn đề xã hội	6,40%	1,90%
	Vấn đề tư duy	4,40%	1,50%
	Vấn đề chú ý	4,00%	0,80%
	Phá vỡ quy tắc	2,50%	0,80%
	Hành vi hung tính	2,90%	0,80%
	<i>(Đặng Hoàng Minh, Bahr Weirss, Nguyễn Cao Minh, 2013)</i>		
1.098	Rối nhiễu tâm lý học sinh THCS Đồng Nai		Tỷ lệ
	Nhóm bạn		31,5%
	Hành vi xã hội		17,6%
	Cảm xúc		10,8%
	Tăng động giảm chú ý		10,3%
	Ứng xử		8,2%
	<i>(Lê Thị Phương Thảo, Hoàng Thế Hải, 2016)</i>		

Nghiên cứu “Điều tra tỷ lệ trẻ em và vị thành niên miền Bắc có các vấn đề sức khỏe tâm thần” sử dụng thang đo CBCL - Bảng kiểm hành vi trẻ em trên 240 trẻ em trong độ tuổi từ 12 đến 16 tại bốn tỉnh thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Hòa Bình) cho thấy, tỷ lệ các trẻ gặp phải các vấn đề sức khỏe tâm thần là không nhỏ 18%. Trong số này, tỷ lệ trẻ có nguy cơ gặp các vấn đề chú ý và phá bỏ quy tắc là cao nhất, cùng chiếm 6%. Tỷ lệ trẻ có nguy

cơ mắc các vấn đề lo âu/trầm cảm lại là thấp nhất, chiếm 2,6% (Nguyễn Cao Minh, 2012).

Nghiên cứu “Thực trạng trầm cảm và lo âu của học sinh trung học cơ sở thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang” (Trần Thị Huyền, 2012) được thực hiện trên 450 học sinh THCS thành phố Long Xuyên bằng phương pháp sử dụng các thang đo: Trầm cảm (CES-D - The Centre for Epidemiological Studies - Depression Scale); Lo âu của Jung và Trầm cảm, lo âu của học sinh dành cho phụ huynh. Kết quả cho thấy, tỷ lệ học sinh có vấn đề về sức khỏe tâm thần tương đối cao. Cụ thể: về trầm cảm, có 8,94% số học sinh ở mức độ “không bình thường”; về lo âu có 7,87% . Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của các em, trong đó có các yếu tố liên quan đến bạn bè, giáo viên, cha mẹ và học tập.

Nghiên cứu “Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến các rối loạn tâm thần - hành vi của học sinh thành phố Thái Nguyên” (Đàm Thị Bảo Hoa, Nguyễn Văn Tư và Trần Tuấn, 2013) trên 1.638 học sinh ở hai trường tiểu học Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Việt Xuân và 1.212 học sinh ở hai trường THCS Độc Lập, Nguyễn Du cho thấy, tỷ lệ chung của học sinh tiểu học và trung học cơ sở có nghi ngờ có rối loạn sức khỏe tâm thần là 22,9%. Tỷ lệ chung của học sinh có rối loạn tâm thần và hành vi sau khi khám, phỏng vấn chi tiết là 8,2%, các rối nhiễu tâm thần - hành vi chủ yếu là trầm cảm (76%); tăng động giảm chú ý (32,2%), lo âu (17,6%). 39,1% số trẻ có nhiều rối loạn phối hợp. Tuổi và stress tâm lý là các yếu tố có liên quan đến rối loạn tâm thần và hành vi ở học sinh.

Nghiên cứu “Thực trạng các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh THPT dân tộc nội trú miền núi phía Bắc” (Trịnh Thị Mai, 2014) sử dụng Bảng kiểm hành vi thanh thiếu niên tự thuật dành cho trẻ em (The Youth Self - Report Form - YSR) trên 210 học sinh THPT dân tộc nội trú tại ba tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn cho thấy, tỷ lệ trẻ em có vấn đề sức khỏe tâm thần cụ thể là: vấn đề tư duy (5%), lo âu/trầm cảm, thu mình, rối loạn dạng cơ thể (đều là 3,5%), hành vi phá bỏ nguyên tắc (3,0%), vấn đề xã hội, hành vi hung tính (đều là 2,5%), vấn đề chú ý (1%).

Các nghiên cứu sử dụng thang đo, bảng sàng lọc, bảng kiểm cho thấy, học sinh THCS - THPT có biểu hiện khó khăn và rối nhiễu tâm lý ở nhiều khía cạnh và các nhóm vấn đề khác nhau, đây là điểm khá tương đồng với kết quả khảo sát sử dụng phiếu điều tra. Các lĩnh vực và vấn đề xuất hiện trong hầu hết các nghiên cứu từ năm 2007 - 2017 là: thu mình, lo âu, trầm cảm, tăng động giảm chú ý, stress, rối loạn cơ thể và các vấn đề về cảm xúc, hành vi, xã hội cụ thể khác (nghiện game, hành vi hung tính/gây hấn, giao tiếp).

4. Kết luận và những vấn đề đặt ra trong các nghiên cứu tiếp theo

Các nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường từ năm 2007 đến năm 2017 cho thấy học sinh THCS - THPT có khó khăn rối nhiễu tâm lý ở hầu hết các lĩnh vực khảo sát. Khó khăn tâm lý nổi bật tập trung vào các lĩnh vực: học tập; phát triển tâm sinh lý; giao tiếp ứng xử; quan hệ với cha mẹ, bạn bè và thầy cô; tình bạn, tình yêu học trò; hướng nghiệp. Các rối nhiễu tâm lý bộc lộ phổ biến qua các nghiên cứu là: thu mình, lo âu, trầm cảm, tăng động giảm chú ý, căng thẳng/stress, rối loạn cơ thể, rối loạn hành vi, vấn đề về tư duy/nhận thức. Các vấn đề về cảm xúc, hành vi, xã hội cụ thể khác cũng bộc lộ trong nhiều nghiên cứu đó là: ít giao tiếp, bỏ học, bắt nạt, bạo lực, nghiện game, gây hấn, lạm dụng và sử dụng chất gây nghiện, có ý tưởng tự sát.

Tổng luận những nghiên cứu trong 10 năm (từ 2007 đến 2017) chúng tôi khái quát một số điểm chung như sau: (1) Có nhiều nhóm tác giả quan tâm thực hiện nghiên cứu về sức khỏe tâm lý học đường của học sinh THCS - THPT, hầu như năm nào cũng có các nghiên cứu về chủ đề này, nhằm tìm kiếm giải pháp phòng ngừa, can thiệp và chăm sóc sức khỏe tâm lý tốt hơn cho học sinh THCS - THPT. (2) Có nhiều nghiên cứu bắt đầu chuyên sâu vào một lĩnh vực hoặc một loại rối nhiễu tâm lý học đường cụ thể (stress, lo âu, bắt nạt, trầm cảm, gây hấn, bạo lực, nghiện game, tăng động giảm chú ý,...). (3) Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào đối tượng học sinh THCS - THPT ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng. Chưa có nhiều nghiên cứu ở các vùng ngoại thành cũng như các vùng dân tộc thiểu số, miền núi. (4) Các nghiên cứu tập trung nhiều vào đối tượng học sinh THCS hơn là THPT; Nhiều nghiên cứu tập trung vào một trường, một hệ thống giáo dục hoặc một địa bàn. (5) Rất ít các nghiên cứu sử dụng phiếu điều tra trình bày quy trình xây dựng phiếu và quy trình kiểm định độ tin cậy của phiếu khảo sát. (6) Chỉ có vài nghiên cứu sử dụng bảng sàng lọc, thang đo, bảng kiểm có trình bày quy trình kiểm định độ tin cậy và tính thích hợp của công cụ đo lường. (7) Rất hiếm và rất thiếu công cụ sàng lọc, khảo sát, đánh giá sức khỏe tâm lý học đường dành cho học sinh THCS - THPT Việt Nam. (8) Chưa có một nghiên cứu lớn, tổng thể trên toàn quốc về sức khỏe tâm lý của học sinh THCS - THPT với những công cụ đo lường đảm bảo tin cậy và phù hợp với học sinh THCS - THPT Việt Nam. (9) Rất ít nghiên cứu so sánh giữa các vùng, miền và so sánh với kết quả nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường trên thế giới.

Các vấn đề đặt ra cho những hướng nghiên cứu tiếp theo về sức khỏe tâm lý học sinh THCS - THPT Việt Nam đó là: (1) xây dựng, Việt hóa và thích nghi hệ thống công cụ sàng lọc, đánh giá và chẩn đoán sức khỏe tâm lý học đường phù hợp với học sinh Việt Nam; (2) thực hiện các nghiên cứu với cách chọn mẫu và

quy trình thực hiện đảm bảo tin cậy, có kế thừa và so sánh với nghiên cứu trong nước và nước ngoài; (3) triển khai các nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi và ngoại thành; (4) nghiên cứu chuyên sâu vào một loại khó khăn, rối nhiễu tâm lý học đường cụ thể, đề xuất và thực nghiệm các chương trình phòng ngừa nguy cơ, thực nghiệm các biện pháp can thiệp (tham vấn, trị liệu) cho cá nhân và nhóm học sinh; (5) triển khai các nghiên cứu sức khỏe tâm lý học đường (sức khỏe tâm thần học đường) liên ngành (tâm lý học đường, tâm lý lâm sàng, y học/tâm thần học, công tác xã hội học đường) nhằm tìm kiếm mô hình dịch vụ sức khỏe tâm lý học đường toàn diện, tích hợp và hiệu quả cho học sinh THCS - THPT Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Amstadter A.B. et.al. (2011). *Prevalence and correlates of probable adolescent mental health problems reported by parents in Vietnam Soc Psychiatry Epidemiology*. 46. 95 - 100.
2. Phạm Thanh Bình (2014). *Nhu cầu tham vấn tâm lý học đường của học sinh trung học cơ sở*. Luận án Tiến sỹ Tâm lý học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Lê Minh Công (2014). *Tình trạng nghiện internet ở học sinh trung học cơ sở tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ III - Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động Tâm lý học đường. NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 14 - 27.
4. Trần Văn Công, Nguyễn Thị Thắm (2016). *Chiến lược ứng phó của học sinh THPT khi bị bắt nạt*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ V - Phát triển Tâm lý học đường trên thế giới và ở Việt Nam. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Tr. 673 - 680.
5. Nguyễn Thị Thúy Dung (2014). *Thực trạng công tác tư vấn học đường tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ IV - Xây dựng và quản lý chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở thực hành Tâm lý học đường ở Việt Nam. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 67 - 78.
6. Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái (2013). *Thanh thiếu niên chơi game bạo lực: Phân tích về tâm lý - xã hội và một số giải pháp quản lý - giáo dục định hướng*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu Giáo dục. Tập 29. Số 1. Tr. 27 - 38.
7. Lê Hà (2015). *Tư vấn học đường cần đổi mới bài bản để đáp ứng nhu cầu của học sinh, sinh viên*. <http://www.nhandan.com.vn/giaoduc/dien-dan/item/25394302-tu-van-hoc-duong-can-doi-moi-bai-ban-de-dap-ung-nhu-cau-cua-hoc-sinh-sinh-vien.html>.
8. Phạm Mạnh Hà, Trần Anh Châu (2009). *Kết quả và kinh nghiệm tổ chức mô hình văn phòng hỗ trợ tâm lý và tư vấn hướng nghiệp tại Trường trung học phổ thông Trần Nhân Tông*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần I - Nhu

cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học. Tr. 328 - 335.

9. Nguyễn Thị Minh Hằng và Nguyễn Thu Trang (2009). *Nhu cầu được trợ giúp tâm lý học đường của học sinh cuối THCS và THPT thành phố Nam Định*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần I - Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học. Tr. 137 - 142.

10. Đàm Thị Bảo Hoa, Nguyễn Văn Tư, Trần Tuấn (2013). *Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến các rối loạn tâm thần - hành vi của học sinh thành phố Thái Nguyên*. Tạp chí Y học thực hành. Số 7 (875). Tr. 14 - 17.

11. Cao Vũ Hùng, Quách Thúy Minh và cộng sự (2007). *Sức khỏe tâm thần của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở*. Kỷ yếu Hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tinh thần trẻ em Việt Nam”. Hà Nội. Tr. 213 - 224.

12. Nguyễn Thanh Hương, Trương Quang Tiến, Hoàng Khánh Chi, Nguyễn Hoàng Phương, Trần Bích Phượng, Micheal Dunne (2009). *Một số yếu tố nguy cơ và bảo vệ đối với vấn đề trầm cảm và lo âu của học sinh 2 trường THCS thành phố Hà Nội*. Tạp chí Y tế Công cộng. Số 13.

13. Dương Diệu Hoa, Trần Văn Thức (2009). *Khó khăn tâm lý và nhu cầu tham vấn của học sinh THPT*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần I - Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học. Tr. 129 - 136.

14. Trần Thị Huyền (2012). *Thực trạng trầm cảm và lo âu của học sinh trung học cơ sở thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ III - Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động Tâm lý học đường. NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 36 - 42.

15. Đỗ Ngọc Khanh (2007). *Nhu cầu tham vấn và hoạt động tham vấn của các trường giáo dưỡng*. Kỷ yếu Hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam”. Hà Nội. Tr. 88 - 98.

16. Hoàng Thị Quỳnh Lan (2016). *Yêu cầu cơ bản của cán bộ tham vấn học đường tại các trường phổ thông dân tộc nội trú*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ V - Phát triển Tâm lý học đường trên thế giới và ở Việt Nam. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Tr. 70 - 82.

17. Nguyễn Tùng Lâm, Nguyễn Ngọc Diệp (2007). *Mô hình can thiệp sức khỏe tinh thần học đường bước đầu thử nghiệm tại Trường THPT dân lập Đình Tiên Hoàng*. Kỷ yếu Hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam”. Hà Nội. Tr. 99 - 106.

18. Nguyễn Hồi Loan (2009). *Rối nhiễu tâm lý của trẻ em vị thành niên các trường trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần I - Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học. Tr. 95 - 99.

19. Trịnh Thị Mai (2014). *Thực trạng các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh THPT dân tộc nội trú miền núi phía Bắc*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 374 - 387.
20. Nguyễn Cao Minh (2012). *Điều tra tỷ lệ trẻ em và vị thành niên miền Bắc có các vấn đề sức khỏe tâm thần*. Luận văn thạc sỹ Tâm lý lâm sàng trẻ em và vị thành niên. Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Đặng Hoàng Minh, Bahr Weirss, Nguyễn Cao Minh (2013). *Sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố nguy cơ*. Báo cáo hội thảo “Thực trạng và thách thức về sức khỏe tâm thần ở trẻ em Việt Nam”. Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Đặng Hoàng Minh, Hoàng Cẩm Tú (2009). *Thực trạng sức khỏe tâm thần ở học sinh THCS ở Hà Nội và nhu cầu tham vấn sức khỏe tâm thần học đường*. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn. Tập 25. Số 1S. Tr. 106 - 112.
23. Đặng Hoàng Minh và Nguyễn Thị Phương (2013). *Tương quan giữa mức độ sử dụng internet và các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh trung học cơ sở*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu Giáo dục. Tập 29. Số 2. Tr. 34 - 42.
24. Nguyễn Thị Mùi (2009). *Xây dựng mô hình phòng tham vấn tâm lý học đường trong các trường trung học phổ thông*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần I - Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học. Tr. 389 - 301.
25. Nguyễn Thị Mùi, Phạm Khánh Ly (2011). *Tìm hiểu rối nhiễu hành vi ở học sinh trung học cơ sở bằng thang đo CONNERS CBRS-SR*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tâm lý học và Giáo dục học với sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam”. Hà Nội.
26. Trần Thành Nam, Hoàng Thị Thu Hương (2016). *Lo âu học đường và chiến lược ứng phó với lo âu ở học sinh lớp 9*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ V - Phát triển Tâm lý học đường trên thế giới và ở Việt Nam. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Tr. 440 - 454.
27. Đỗ Hạnh Nga (2015). *Những yếu tố rủi ro và yếu tố bảo vệ của học sinh trường THPT tại thành phố Hồ Chí Minh*. Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2013 - 2015). Mã số C2013-18b-02. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
28. Lê Thị Tâm (2012). *Thực trạng nhu cầu tham vấn tâm lý hiện nay của học sinh trung học cơ sở tỉnh Thanh Hóa*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ III - Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động Tâm lý học đường. NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 120 - 127.
29. Phạm Thị Tâm, Tạ Thị Thanh Thùy (2014). *Đánh giá tác động của áp lực học tập đến sức khỏe tâm thần của học sinh THPT thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 470 - 485.

30. Nguyễn Minh Thức, Lê Minh Công (2014). *Khó khăn tâm lý của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ở Đông Nai*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ IV - Xây dựng và quản lý chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở thực hành Tâm lý học đường ở Việt Nam. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 493 - 502.
31. Trần Thị Lệ Thu (2012). *Thực trạng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh tại một số cơ sở giáo dục ở Hà Nội*. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu cấp trường. Đại học Sư phạm Hà Nội.
32. Trần Thị Lệ Thu, Nguyễn Thị Hương (2014). *Thực trạng khó khăn tâm lý và cách giải quyết khó khăn tâm lý của học sinh THCS xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 610 - 619.
33. Đinh Thị Hồng Vân và Trần Thị Tú Anh (2011). *Thành lập văn phòng tham vấn tâm lý trong các trường học ở tỉnh Thừa Thiên - Huế nhu cầu cấp thiết hiện nay*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần thứ II - Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học đường tại Việt Nam. NXB Đại học Huế. Tr. 325 - 331.
34. Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Phước Cát Tường (2012). *Cách ứng phó với khó khăn tâm lý của học sinh THPT*. Kỷ yếu Hội thảo Tâm lý học đường: Lý luận, thực tiễn và định hướng phát triển. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
35. Đặng Hoàng Minh, Hoàng Cẩm Tú (2016). *Thực trạng sức khỏe tâm thần của học sinh THCS ở Hà Nội và nhu cầu tham vấn sức khỏe tâm thần học đường*. <http://www.benhvientamthanhanoi.com/thuc-trang-suc-khoe-tam-than-cua-hs-thcs-ohn-nhu-cau-tham-van-sktt-hoc-duong>.